

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 397/2018/DS-PT
Ngày 20 – 12 – 2018
V/v tranh chấp quyền sở hữu tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán:

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Ông Phan Đức Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 177/2018/TLPT-DS ngày 16 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp quyền sở hữu tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 139/2018/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1100/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2018; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Trọng Nh, sinh năm 1964, (*vắng mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 08/6/2018): Ông NLQ3, sinh năm 1959, (*có mặt*).

Cùng cư trú tại: 145K ĐT, phường CG, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

+ Ông Trần Đức D - Luật sư Văn phòng Luật sư Trần Đức D, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; (*có mặt*).

+ Ông Nguyễn Hữu H – Luật sư Công ty TNHH một thành viên Luật Việt NH, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; (*có mặt*).

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Linh Ph, sinh năm 1945; (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (được ủy quyền theo văn bản ngày 06/4/2015): Bà NLQ6, sinh năm 1971; (có mặt).

Cùng cư trú tại: 23 Đường 12, Khu phố 4, phường AP, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Trương Thị H2 - Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông NLQ1, sinh năm 1960; (vắng mặt).

2. Bà NLQ2, sinh năm 1963; (vắng mặt).

Cùng cư trú: 68/4 Đường số 3, phường TT, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông NLQ3, sinh năm 1959; cư trú tại: 145K ĐT, phường CG, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông NLQ3: Ông Trần Đức D - Luật sư Văn phòng Luật sư Trần Đức D, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

4. Bà NLQ4 (NLQ4), sinh năm 1966; cư trú tại: 2029 Ne 80th Ave Portland-OR 97203 USA; (vắng mặt).

5. Ông NLQ5, sinh năm 1976; cư trú tại: 23 Khu phố 4, Đường 12, phường AP, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà NLQ4, ông NLQ5 (được ủy quyền theo văn bản ngày 03/10/2014): Ông NLQ3, sinh năm 1959; cư trú tại: 145K ĐT, phường CG, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

6. Bà NLQ6, sinh năm 1971, (có mặt).

7. Ông NLQ7, sinh năm 1940, (vắng mặt).

8. Ông NLQ8, sinh năm 1988, (vắng mặt).

9. Ông NLQ9, sinh năm 1997, (vắng mặt).

10. Bà NLQ10, sinh năm 1999, (xin vắng mặt).

11. Bà NLQ11, sinh năm 1969, (vắng mặt).

12. Ông NLQ12, sinh năm 1977, (vắng mặt).

13. Ông NLQ13, sinh năm 1973, (vắng mặt).

14. Bà NLQ14, sinh năm 1972, (vắng mặt).

15. Ông NLQ15, sinh năm 1973, (vắng mặt).

16. Ông NLQ16, sinh năm 1999, (xin vắng mặt).

17. Ông NLQ17, sinh năm 1999, (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 23 Đường 12, Khu phố 4, phường AP, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông NLQ7, ông NLQ8, ông NLQ9, bà NLQ11, ông NLQ12, ông NLQ13, ông NLQ14, ông NLQ15 (được ủy quyền theo văn bản ngày 27/8/2015 và văn bản ngày 09/9/2015): Bà NLQ6, sinh năm 1971; địa chỉ: 23 Đường 12, Khu phố 4, phường AP, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

- Người kháng cáo:

+ Nguyên đơn ông Đỗ Trọng Nh;

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông NLQ1, ông NLQ3, ông NLQ5 và bà NLQ4 (NLQ4).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 01/9/2010 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Đỗ Trọng Nh trình bày:

Nguyên đơn ông Đỗ Trọng Nh yêu cầu buộc bà Huỳnh Thị Linh Ph trả lại $\frac{1}{2}$ nhà và $1.140m^2$ đất tại số 23, Đường số 12, Khu phố 4, phường AP, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Nh. Nhà đất này do ông Nh mua từ ông NLQ1 vào năm 2003.

Nguồn gốc căn nhà số 514A, nay là số 23, Đường số 12, Khu phố 4, phường AP, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cùng khuôn viên đất $2.140m^2$ thuộc một phần các thửa 487, 489, 493, 488, 515 và 882, tờ bản đồ số 2, xã AP, huyện TĐ có nguồn gốc của ông ngoại ông Nh là ông Huỳnh Ngọc Ch (chết 1986) tạo lập để lại cho hai người con là bà Huỳnh Thị C (Huỳnh Thị Thủy T) và bà Huỳnh Thị Linh Ph. Bà Ph đứng tên kê khai hợp thức hóa nhà nhưng bà Ph đều xác nhận bà và bà C mỗi người sở hữu $\frac{1}{2}$ nhà, đất.

Năm 1994, bà Ph làm giấy bán $\frac{1}{2}$ căn nhà và $1.000m^2$ đất thuộc phần của bà Ph cho ông NLQ1 với giá 1.000.000.000 đồng. Sau khi bán phần nhà này thì bà Ph chuyển sang ở chung với gia đình bà C (là mẹ của ông Nh) tại $\frac{1}{2}$ nhà và $1.140m^2$ đất còn lại. Bà Ph và bà C đều xác nhận phần $\frac{1}{2}$ nhà và đất còn lại này đã cho ông Nh.

Năm 1999, bà C bị bệnh nên bán $\frac{1}{2}$ nhà và $1.140m^2$ đất này cho ông NLQ1 với giá 1.200.000.000 đồng. Năm 2001, bà C chết và ông Nh không ở lại nhà này nữa mà chuyển về Quận 1 ở cho đến nay.

Năm 2003, ông Nh bỏ tiền mua lại phần $\frac{1}{2}$ nhà và $1.140m^2$ đất từ ông NLQ1 với giá 1.400.000.000 đồng. Sau khi mua lại nhà đất này, ông Nh đã nhiều lần yêu cầu bà Ph giao trả, nhưng bà Ph vẫn không trả phần nhà, đất cho ông cũng như phần nhà, đất của ông NLQ1.

Năm 2009, trong khi đang chờ Tòa án giải quyết vụ án liên quan đến việc bà Ph bảo lãnh vay, thì bà Ph đã trả tiền cho Ngân hàng VH, lấy hồ sơ nhà đất đã bán cho ông NLQ1 và ông Nh để hợp thức hóa, chiếm đoạt tài sản của ông Nh.

Ông Nh yêu cầu buộc bà Huỳnh Thị Linh Ph trả lại $\frac{1}{2}$ nhà và 1.140m^2 đất cho ông Nh.

Tại Đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 26/9/2014, ông Nh xác định: Nhà và 2.140m^2 đất tại số 23 Khu phố 4, Đường số 12, Khu phố 4, phường AP, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, là tài sản chung của bà Huỳnh Thị C và bà Huỳnh Thị Linh Ph. Yêu cầu Tòa án chia tài sản chung này cho vợ chồng bà Ph phần nhà gắn với 1.000m^2 đất, phần nhà và 1.140m^2 đất còn lại của bà C (đã chết), nay chia cho các con gồm Đỗ Trọng Nh, NLQ3, NLQ5 và NLQ4.

Tại Đơn xác định lại quan hệ tranh chấp ngày 04/6/2015 và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nh cho rằng trước đây ông yêu cầu chia tài sản chung là chưa phù hợp. Phần nhà gắn liền với 1.134m^2 đất tại số 23, Đường số 12, Khu phố 4, phường AP, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, (nhà đất đang tranh chấp) là tài sản riêng của ông mua lại từ ông NLQ1, bà Huỳnh Thị Linh Ph đang chiếm dụng, nên ông yêu cầu bà Ph trả cho ông theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn là bà Huỳnh Thị Linh Ph và người đại diện theo ủy quyền là bà NLQ6 trình bày:

Bà Huỳnh Thị Linh Ph xác định nhà, đất đang tranh chấp là của bà Ph, do bà sử dụng từ năm 1977, có kê khai đăng ký, thực hiện nghĩa vụ người sử dụng đất và đã được công nhận, cụ thể như sau:

Năm 1976, cha của bà Ph là ông Huỳnh Ngọc Ch (lúc đó là Phó Giám đốc Sở công an Thành phố) có nhờ người bạn là ông Ba M (lúc đó là Chủ tịch huyện TĐ) bố trí cho vợ chồng bà Ph cùng 4 đứa con nhỏ có chỗ ở gần nhà ông Ba M. Gia đình bà Ph được bố trí phần đất 8.000m^2 nhưng khả năng canh tác sử dụng chỉ khoảng 2.000m^2 . Phần đất này trước đó không có ai sử dụng và cũng không có ai đứng tên trên giấy tờ về đất đai. Gia đình bà Ph sử dụng đất liên tục từ đó cho đến nay. Năm 1978, Ủy ban nhân dân (UBND) xã AP có xác nhận ngày 10/02/1978 về việc vợ chồng và các con bà Ph cư ngụ và canh tác trên phần đất này; các Biên lai thu tiền thuê nhà của gia đình bà Ph nộp cho UBND huyện TĐ cho đến năm 1989; Quyết định hợp thức hóa quyền sở hữu nhà số 279/QĐ6 ngày 08/6/1989 của Sở nhà đất thuộc UBND Thành phố cấp; năm 1990, Sở Xây dựng cấp Giấy phép xây dựng cho bà Ph và bà đã nộp thuế trước bạ; năm 2003, bà Ph được UBND Quận 2 cấp đổi sổ nhà.

Đối với 6.000m^2 , trong 8.000m^2 đất còn lại, nêu trên: Cũng vào năm 1976, ông Ch nhờ ông Mười Th (lúc đó làm trong Ban quản lý ruộng đất) bố trí

cho bà C và người chồng sau là ông Huỳnh Công Danh phần đất tại ấp Gò Dưa, xã Tam Bình, TĐ. Vợ chồng bà C sống tại phần đất ở Gò Dưa. Năm 1982, do mâu thuẫn vợ chồng nên bà C có về cất căn nhà lá tạm trên phần đất 6.000m². Năm 1983, bà C liên quan đến vụ án tổ chức vượt biên trên phần đất này. Chính vì vậy, vào năm 1985, Hội đồng đăng ký thống kê phân hạng ruộng đất đã không chấp nhận phần đăng ký của bà Ph đối với phần đất này (các thửa 476, 477, 478) mà thu hồi giao cho hãng tàu HĐ sử dụng. Bà Ph chỉ được Hội đồng chấp nhận cho đăng ký thửa 832 là phần đất bà Ph sử dụng cho đến nay.

Vào năm 1983, do bà Huỳnh Thị C bị phạt 7 năm tù, không còn nhà ở nên bà Ph mới đồng ý và làm đơn xin Công an xã cho hai người con của bà C là Đỗ Trọng Nh và Đ về ở chung để tiện cho việc học của cháu Nh và cháu Đ. Năm 1987, bà C mãn hạn tù trước hạn nên bà Ph có cho về ở chung, nhưng thực tế bà C không ở thường xuyên. Cuối năm 1989, bà C lại bị kết án chung thân về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên tất cả tài sản của bà C đều đã bị thi hành án tịch thu.

Đối với trình bày của nguyên đơn ông Đỗ Trọng Nh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ3 về nội dung Biên bản định giá ngày 27/4/1992 của Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh Bình Định, xác định phần căn nhà của bà Huỳnh Thị C có diện tích 262,81m². Thực tế căn nhà này là của bà Ph xây. Khi bà Huỳnh Thị C bị bắt, TAND tỉnh Bình Định có vào xác minh và xác nhận phần đất của bà Ph, còn phần móng đang xây bà Ph có mượn một số tiền của bà Huỳnh Thị C nên TAND có bán lại phần này cho bà Ph và việc mua bán này có lập thành văn bản.

Về việc mua bán nhà với ông NLQ1: Ông NLQ1 thành lập công ty ảo, vay tiền ngân hàng, thế chấp tài sản là nhà đất của bà Ph chứ không có việc mua bán. Sự việc này đã được Tòa án giải quyết bằng bản án phúc thẩm.

Nhà ở, đất ở nêu trên do bà Huỳnh Thị Linh Ph trực tiếp sử dụng từ năm 1977, bà Ph kê khai đăng ký đất, bà Ph được cấp giấy phép xây nhà, đã nộp thuế trước bạ và đóng thuế nhà đất hàng năm, Đây là tài sản của bà Ph nên bà Ph không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Trọng Nh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông NLQ7, ông NLQ8, ông NLQ9, bà NLQ11, ông NLQ12, ông NLQ13, bà NLQ14, ông NLQ15 và bà NLQ6: Thống nhất và đồng ý với trình bày của bị đơn bà Huỳnh Thị Linh Ph.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà NLQ4, ông NLQ5 và ông NLQ3 trình bày:

Về nguồn gốc nhà đất, thống nhất với trình bày của nguyên đơn ông Đỗ Trọng Nh. Trước đây hai gia đình ở chung. Năm 1989, bà Ph và bà C thỏa thuận bằng lời nói về việc hoán đổi đất, thực tế đã hoán đổi sau khi thỏa thuận và cất

nhà ngay sau đó. Hai căn nhà cùng sổ nhà, cùng hộ khẩu do bà Ph là chủ hộ. Căn nhà của bà C được xác lập sở hữu theo Bản án số 482 ngày 15/11/1991 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng. Theo Biên bản định giá ngày 27/4/1992 của TAND tỉnh Bình Định, căn nhà của bà C có diện tích 262,81m². Căn cứ giấy phép xây dựng số 434/GP-XD90 ngày 29/3/1990 cho phép xây dựng tổng diện tích 2 căn nhà là 408m². Như vậy, diện tích nhà của bà C là 262,81m².

Về quyền sử dụng đất 1.140 m² do bà Ph đăng ký kê khai, sử dụng từ năm 1978. Như vậy, bà Ph có tên trong sổ ruộng đất và sổ địa chính trước ngày 15/10/1993. Đến ngày 30/12/1994 bà Ph đã làm giấy tay chuyển quyền sử dụng diện tích đất này cho ông NLQ1. Trên giấy có đầy đủ chữ ký của các bên, không có công chứng, chứng thực và đất chưa được cấp giấy chứng nhận theo Luật Đất đai qua các thời kỳ. Thực tế gia đình bà C có cư trú tại căn nhà vào thời điểm nhận chuyển quyền sử dụng. Như vậy, ông Nh là người sử dụng diện tích đất 1.140m² mang tên bà Ph. Ông Nh khởi kiện bà Ph sau ngày 01/7/2004. Đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của ông Nh.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông NLQ3 xác định tranh chấp giữa ông Nh với bà Ph tại vụ án này không liên quan gì đến quyền lợi hay nghĩa vụ của các anh em của ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông NLQ1 trình bày:

Ông NLQ1 và ông Đỗ Trọng Nh là đồng nghiệp. Giữa năm 1994, ông Nh muốn thế chấp nhà vay vốn làm ăn nhưng bà Huỳnh Thị Linh Ph không chấp nhận mà chỉ muốn bán phần của bà Ph sở hữu. Ông Nh có đề nghị ông NLQ1 mua nửa phần nhà đất của bà Ph. Lúc đó, bà Ph yêu cầu giá bán là 1.000.000.000 đồng đối với phần diện tích đất 1.000 m², trên đó có 1 phần nhà. Theo thỏa thuận mua bán thì phần nhà đất còn lại bà Ph giao lại cho ông Nh. Sau đó, ông NLQ1 đã thanh toán đủ số tiền, mọi chi phí về việc chuyển nhượng do ông NLQ1 chịu. Trong giấy mua bán có thỏa thuận “nửa căn nhà còn lại nằm trên diện tích đất 1.140m² chúng tôi giao lại cho ông Đỗ Trọng Nh”. Ông NLQ1 thống nhất với trình bày của nguyên đơn ông Đỗ Trọng Nh. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nh, ông NLQ1 không có ý kiến và yêu cầu gì.

Các đương sự cùng xác định đồng ý với kết quả định giá ngày 03/6/2016 của Hội đồng định giá và không yêu cầu định giá lại.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 139/2018/DS-ST ngày 30/01/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, các Điều 37, 39, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 170, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Trọng Nh về việc đòi bị đơn là bà Huỳnh Thị Linh Ph trả lại $\frac{1}{2}$ căn nhà số 23 (số cũ là nhà 514A) Đường số 12, Khu phố 4, phường AP, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cùng khuôn viên đất diện tích 1.185,3m² (theo đo vẽ thực tế), tại địa chỉ số 23 Đường số 12, Khu phố 4, phường AP, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH Đo đạc - Thiết kế - Xây dựng Kiến Điền lập và duyệt nội nghiệp số 861/CNQ2 ngày 16/12/2015).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 14/3/2018, nguyên đơn ông Đỗ Trọng Nh có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nh.

Ngày 14/3/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ3, ông NLQ5 và bà NLQ4 (do ông NLQ3 là người đại diện theo ủy quyền thực hiện) kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập đủ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, xét xử không khách quan, làm thay đổi bản chất thật của vụ án.

Ngày 26/3/2018, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông NLQ1 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo ông NLQ1 vắng mặt không lý do; ông Đỗ Trọng Nh, ông NLQ3, ông NLQ5 và bà NLQ4 (do ông NLQ3 là người đại diện theo ủy quyền) xác định kháng cáo là yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm, vì: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vào tham gia tố tụng giải quyết vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến nguồn gốc đất tranh chấp.

Luật sư Nguyễn Hữu H tranh luận bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Đỗ Trọng Nh với nội dung như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến nguồn gốc tài sản tranh chấp là thiếu sót, giải quyết vụ án không đúng. Vì nguồn gốc tài sản tranh chấp là của ông Huỳnh Ngọc Ch tạo lập để lại cho hai người con là bà Huỳnh Thị Linh Ph và bà Huỳnh Thị C. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh, do đã được bà

Ph thừa nhận nhiều lần, thể hiện tại đơn xin xác nhận nguồn gốc đất, tại Giấy bán nhà ngày 30/12/1994 và nhiều tài liệu khác. Giấy bán nhà ngày 30/12/1994 có nội dung thể hiện bà Ph đã tự nguyện trả lại $\frac{1}{2}$ căn nhà còn lại và 1.140m^2 cho ông Nh. Trong khi đó, tại Bản án dân sự phúc thẩm số 1450/2013/DS-PT ngày 06/11/2013, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chỉ tuyên bố vô hiệu đối với giao dịch mua bán $\frac{1}{2}$ căn nhà và 1.000m^2 đất thuộc phần sở hữu, sử dụng của bà Ph. Như vậy, nhà đất số 23 (số cũ là nhà 514A) Đường số 12, Khu phố 4, phường AP, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, do bà Ph đứng tên kê khai, đăng ký, nhưng trong đó $\frac{1}{2}$ căn nhà cùng khuôn viên đất, theo đo vẽ thực tế, có diện tích $1.185,3\text{m}^2$ là tài sản của ông Nh.

Về tố tụng: Tại Đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 26/9/2014, ông Nh xác định nhà và 2.140m^2 đất tại số 23 Khu phố 4, Đường số 12, Khu phố 4, phường AP, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, là tài sản chung của bà Huỳnh Thị C và bà Huỳnh Thị Linh Ph. Nên yêu cầu Tòa án chia tài sản chung này cho vợ chồng bà Ph phần nhà gắn với 1.000m^2 đất, phần nhà và 1.140m^2 đất còn lại của bà C (đã chết), nay chia cho các con gồm Đỗ Trọng Nh, NLQ3, NLQ5 và NLQ4. Thế nhưng, tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Nh lại thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông Nh, cho rằng nhà đất đang tranh chấp là tài sản riêng của ông Nh mua lại từ ông NLQ1, do bà Huỳnh Thị Linh Ph đang chiếm dụng, nên yêu cầu bà Ph trả cho ông Nh và Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án theo yêu cầu này của người đại diện theo ủy quyền của ông Nh, là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Trọng Nh về việc đòi bị đơn là bà Huỳnh Thị Linh Ph trả lại $\frac{1}{2}$ căn nhà cùng khuôn viên đất diện tích $1.185,3\text{m}^2$ là chung chung, chưa giải quyết triệt để vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Trọng Nh, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Luật sư Trần Đức D tranh luận bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự ông Đỗ Trọng Nh và NLQ3 với nội dung như sau:

Đồng ý với quan điểm tranh luận và ý kiến đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Đỗ Trọng Nh và trình bày bổ sung: Trong vụ án này, cần phải xác định tài sản tranh chấp thuộc quyền sở hữu của ai, nên phải đưa UBND Thành phố Hồ Chí Minh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xem xét các quyết định, văn bản có liên quan. Thế nhưng, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa UBND Thành phố Hồ Chí Minh vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Trọng

Nh và ông NLQ3, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Luật sư Trương Thị H2 tranh luận bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Huỳnh Thị Linh Ph với nội dung như sau:

Ông NLQ1 là người kháng cáo, đã được triệu tập họp lệ lần thứ 02, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông NLQ1. Đối với yêu cầu kháng cáo còn lại của các đương sự:

Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Trọng Nh, đúng thẩm quyền và thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Việc không đưa UBND Thành phố Hồ Chí Minh vào tham gia tố tụng đã được Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là có căn cứ. Các Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự ông Đỗ Trọng Nh và NLQ3 cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không có cơ sở.

Về nội dung: Nguyên đơn căn cứ vào Giấy bán nhà ngày 30/12/1994 đề yêu cầu bà Ph trả lại ½ căn nhà cùng khuôn viên đất, theo đo vẽ thực tế, có diện tích 1.185,3m². Tuy nhiên, Bản án dân sự phúc thẩm số 1450/2013/DS-PT ngày 06/11/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định giấy bán nhà này là giao dịch dân sự giả tạo.

Không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện nhà, đất số 23 (số cũ là nhà 514A) Đường số 12, Khu phố 4, phường AP, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của bà Huỳnh Thị C và Huỳnh Thị Linh Ph. Cũng không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện tài sản tranh chấp là của ông Nh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện quyền và chấp hành nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do ông NLQ1 là người kháng cáo, đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông NLQ1, theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về kháng cáo của ông Đỗ Trọng Nh, ông NLQ3, ông NLQ5 và bà NLQ4 (NLQ4):

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Trọng Nh là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, vì: Theo các tài liệu, giấy tờ liên quan thì nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Huỳnh Thị Linh Ph sử dụng từ năm 1976. Trong quá trình sử dụng đất, bà Ph cũng là người nộp thuế, kê khai, đăng ký đất và tiến hành các thủ tục xây cất, sửa chữa nhà theo đúng quy định. Bản án dân sự phúc thẩm số 1450/2013/DS-PT ngày 06/11/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định Giấy bán nhà ngày 30/12/1999 là giao dịch dân sự giả tạo, nhưng ông Nh lại căn cứ vào giấy bán nhà này để yêu cầu bà Ph trả lại $\frac{1}{2}$ căn nhà cùng khuôn viên đất, theo đo vẽ thực tế, có diện tích 1.185,3m², là không có cơ sở để chấp nhận. Ngoài ra, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện nhà, đất đang tranh chấp là của ông Huỳnh Ngọc Ch hoặc là tài sản chung của bà Huỳnh Thị C và Huỳnh Thị Linh Ph. Đồng thời, cũng không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện nhà, đất đang tranh chấp là của ông Nh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Trọng Nh, ông NLQ3, ông NLQ5 và bà NLQ4 (NLQ4); giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Đỗ Trọng Nh và đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ3, ông NLQ1, ông NLQ5 và bà NLQ4 (đơn kháng cáo của ông NLQ5 và bà NLQ4 do ông NLQ3 là người đại diện theo ủy quyền thực hiện) nộp trong thời hạn, đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên coi như từ bỏ việc kháng cáo. Do đó, Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ1 theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là ông Đỗ Trọng Nh và các ông NLQ3, NLQ5, bà NLQ4 (do ông NLQ3 là người đại diện theo ủy quyền) thay đổi, bổ sung kháng cáo là yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Xét việc thay đổi, bổ sung kháng cáo của các đương sự như trên không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Trong vụ án này, nguyên đơn là ông Đỗ Trọng Nh và các đương sự khác không có yêu cầu Tòa án hủy quyết định cá biệt của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, nên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa UBND Thành phố Hồ Chí Minh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng.

[1.3] Các đương sự là Đỗ Trọng Nh và ông NLQ3, ông NLQ5, bà NLQ4 (ông NLQ5 và bà NLQ4 có ông NLQ3 là người đại diện theo ủy quyền) kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không có căn cứ.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quyền sở hữu nhà ở tại số 23 Đường số 12, Khu phố 4, phường AP, Quận 2 (số cũ là nhà 514A khu phố AB, xã AP, huyện TĐ), Thành phố Hồ Chí Minh:*

[2.1a] Theo Phiếu kê khai đăng ký nhà ở của cá nhân ngày 05/8/1987 của bà Huỳnh Thị Linh Ph, được xác nhận cùng ngày của chính quyền địa phương, có nội dung thể hiện căn nhà số 514 A khu phố AB, xã AP, huyện TĐ, là nhà trệt có 04 phòng, do bà Ph xây cất năm 1976 (BL 572). Tại Quyết định số 279/QĐ6 ngày 08/6/1989 của Sở nhà đất thuộc UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định hợp thức hóa quyền sở hữu căn nhà số 514A khu phố AB, xã AP cho gia đình bà Ph (BL 576). Sau đó, Sở xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy phép xây dựng số 474/GPXD ngày 29/3/1990 cho bà Ph được phép xây dựng nhà ở 01 tầng lầu với tổng diện tích được xây dựng cả tầng trệt và tầng lầu là 538,4m², tọa lạc tại số 514 A khu phố AB, xã AP, huyện TĐ, trên một phần các thửa đất 487, 488, 489, 493, 515 và 882 thuộc tờ bản đồ thứ 2 xã AP, huyện TĐ (BL 573).

[2.1b] Năm 1992, Thi hành án tỉnh Bình Định có định giá nhà 514A để thi hành án đối với bà Huỳnh Thị Thủy T (bà C), bà Ph xác định vật tư xây dựng nhà có một phần đóng góp của bà C, xây trên phần đất của bà Ph. Bà Ph đã bỏ tiền mua lại phần này để thi hành án cho bà C, thể hiện qua các theo tài liệu là Biên bản định giá ngôi nhà bằng gỗ ngày 27/4/1992, Biên bản thỏa thuận mua bán ngày 20/8/1992 và Giấy biên nhận ngày 15/3/1993.

[2.1c] Tại Tờ khai chuyển dịch tài sản nộp thuế trước bạ ngày 23/11/1994 của bà Ph, có ký duyệt của Chi cục thuế huyện TĐ ngày 30/11/1994, có nội dung thể hiện nhà số 514A khu phố AB, xã AP, được xây dựng theo Giấy phép xây dựng số 474/GPXD ngày 29/3/1990 của Sở xây dựng Thành phố Hồ Chí

Minh, có thực trạng là nhà trệt + 1 lầu, với tổng diện tích xây dựng 538,4m² (BL 207).

[2.2] *Về quyền sử dụng đất tại số 23 Đường số 12, Khu phố 4, phường AP, Quận 2 (số cũ là nhà 514A khu phố AB, xã AP, huyện TĐ), Thành phố Hồ Chí Minh:*

[2.2a] Căn cứ Đơn xin đăng ký sử dụng ruộng đất ngày 11/6/1984 của bà Huỳnh Thị Linh Ph, UBND xã AP cho bà Ph đăng ký sử dụng đất thửa 832. Riêng đối với các thửa 476, 477, 478 không cho đăng ký mà một trong những lý do không cho đăng ký là “*Lợi dụng đất đai để tổ chức vượt biên*”.

[2.2b] Theo “Báo cáo thực địa” ngày 17/8/1994 của Phòng Nông nghiệp - Thủy lợi thuộc UBND huyện TĐ ghi nhận nguồn gốc đất do bà Huỳnh Thị Linh Ph đăng ký sử dụng các lô đất số 488, 489, 822: Trước năm 1975, chưa rõ chủ là ai; sau 1975, UBND xã cấp phần đất trên cho bà Ph; hiện trạng trên đất đã cất một căn nhà cấp 1, xung quanh đã xây dựng tường rào trên khuôn viên đất thuộc các thửa 487, 489, 493, 488, 515 và 882 tờ 02 ấp AB (BL 577).

[2.2c] Tại Văn bản số 12487/VPĐK-KTĐC ngày 11/8/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh xác định: Theo dữ liệu sổ đã ngoại tài liệu bản đồ địa chính (pháp lý năm 2003) thì diện tích đất 2.214m², tại địa chỉ 514A Khu phố 4, là một phần thửa đất số 10, tờ số 1, phường AP, Quận 2, tên chủ sử dụng là bà Huỳnh Thị Linh Ph và Theo tài liệu Chỉ thị 299/TTg thì thuộc thửa số 488 và một phần thửa đất số 489, 882 xã AP, huyện TĐ (BL 583, 584). Theo Bản đồ vị trí, trích lục bản đồ theo Tài liệu 299/TTg thì toàn bộ khuôn viên đất nêu trên do bà Ph là người đứng tên và được UBND xã AP xác nhận ngày 04/12/1992. Theo Bản đồ địa chính năm 2003, bà Ph cũng là người đứng tên đối với diện tích 2.214m² nêu trên.

[2.2d] Ngày 10/8/1999, bà Ph đăng ký nhà – đất đối với toàn bộ nhà và diện tích đất 2.150m², toàn bộ tài sản nhà đất này về nguồn gốc, tình trạng pháp lý và quá trình sử dụng đều thể hiện là của bà Ph. Tài liệu này đã được UBND xã AP xác nhận ngày 28/9/2001. Đây là chứng cứ chứng minh bà Ph là người đăng ký đất đai theo Tài liệu 02/CT-UB. Trước khi đăng ký, bà Ph cũng thực hiện xác định ranh giới và các hộ giáp ranh cũng đã ký xác nhận ranh với đất của bà Ph, theo “Giấy thỏa thuận về việc xác định ranh giới nhà đất” ngày 02/8/1999.

[2.2đ] Tại Văn bản số 465/UBND ngày 01/8/2016 của UBND phường AP, Quận 2 xác định: Theo hồ sơ kê khai 3376 năm 1999, bà Ph đứng tên kê khai với diện tích 2.150m².

[2.2e] Với những tài liệu, chứng cứ trên, có đủ căn cứ xác định nhà ở cùng khuôn viên đất tại số 23 (Số cũ là nhà 514A) Đường số 12, Khu phố 4, phường AP, Quận 2 là của bà Huỳnh Thị Linh Ph.

[3] Không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện nguồn gốc tài sản nhà, đất này là của ông Huỳnh Ngọc Ch hoặc là tài sản chung của bà Huỳnh Thị C và bà Huỳnh Thị Linh Ph. Không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện bà Ph có xác lập giao dịch bán nhà hay chuyển nhượng đất cho ai.

[4] Ông Đỗ Trọng Nh cho rằng nhà, đất này ông Nh mua của ông NLQ1 theo Giấy thỏa thuận ngày 20/3/2003. Tuy nhiên, nhà và đất này là của bà Ph, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc bà Ph có giao dịch mua bán, chuyển nhượng tài sản này cho ông NLQ1. Như vậy, ông NLQ1 không phải là chủ sở hữu hay là người được bà Ph ủy quyền quản lý, quyết định đối với nhà đất này. Ngoài ra, về hình thức giấy thỏa thuận này cũng không phù hợp quy định của pháp luật về hợp đồng mua bán, chuyển nhượng nhà đất. Mặt khác, tại giấy thỏa thuận này còn thể hiện việc ông Nh phải chịu trách nhiệm đối với số tiền khắc phục hậu quả cho Ngân hàng VH, mà sự việc này có liên quan và đã được giải quyết tại bản án có hiệu lực pháp luật là Bản án phúc thẩm số 1450/2013/DS-PT ngày 06/11/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Ông Đỗ Trọng Nh còn cho rằng phần nhà và diện tích đất tranh chấp tại vụ án này đã được bà Ph xác định giao lại cho ông Nh, thể hiện tại Giấy bán nhà ngày 30/12/1994 giữa bà Huỳnh Thị Linh Ph với ông NLQ1. Tuy nhiên, giao dịch tại Giấy bán nhà ngày 30/12/1994 đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật là Bản án phúc thẩm số 1450/2013/DS-PT ngày 06/11/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó đã nhận định và tuyên bố đây là giao dịch giả tạo. Như vậy, không thể dùng một giao dịch giả tạo để làm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn tại vụ án này.

[6] Từ những phân tích và nhận định nêu trên đã có đủ cơ sở xác định, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Trọng Nh về việc đòi bị đơn là bà Huỳnh Thị Linh Ph trả lại $\frac{1}{2}$ căn nhà số 23 (số cũ là nhà 514A) Đường số 12, Khu phố 4, phường AP, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cùng khuôn viên đất diện tích 1.185,3m² (theo đo vẽ thực tế), với lý do đây là tài sản riêng của ông mua lại từ ông NLQ1, bà Ph đã chiếm dụng, là không có căn cứ.

[7] Chính vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Đỗ Trọng Nh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ3, ông NLQ5, bà NLQ4 (NLQ4); giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[8] Những ý kiến, quan điểm đề nghị của các Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Đỗ Trọng Nh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ3, do không phù hợp với phân tích và nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm, nên không được chấp nhận.

[9] Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của ông NLQ1 đã nộp được sung vào công quỹ Nhà nước; các ông, bà Đỗ Trọng Nh, NLQ3 ông NLQ5 và NLQ4 (NLQ4) phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ1.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Đỗ Trọng Nh và không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ3, ông NLQ5 và bà NLQ4 (NLQ4); giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 139/2018/DS-ST ngày 30/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, các Điều 37, 39, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 170, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Trọng Nh về việc đòi bị đơn là bà Huỳnh Thị Linh Ph trả lại $\frac{1}{2}$ căn nhà số 23 (số cũ là nhà 514A) Đường số 12, Khu phố 4, phường AP, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cùng khuôn viên đất diện tích 1.185,3m² (theo đo vẽ thực tế), tại địa chỉ số 23 Đường số 12, Khu phố 4, phường AP, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH Đo đạc – Thiết kế – Xây dựng Kiến Điền lập và duyệt nội nghiệp số 861/CNQ2 ngày 16/12/2015).

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Trọng Nh phải chịu 200.000 đồng; nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 32.465.000 đồng theo Biên lai thu số 047345 ngày 08/9/2010 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2; ông Nh được trả lại số tiền là 32.265.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

+ Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng của ông NLQ1 đã nộp theo Biên lai thu số 0044182 ngày 06/4/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh được sung vào công quỹ Nhà nước.

+ Ông Đỗ Trọng Nh phải nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp (do ông NLQ3 nộp thay) theo Biên lai thu số 0044107 ngày 02/4/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; ông Nh đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

+ Ông NLQ3 phải nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0044106 ngày 02/4/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; ông NLQ3 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

+ Ông NLQ5 phải nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp (do ông NLQ3 nộp thay) theo Biên lai thu số 0044103 ngày 02/4/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; ông NLQ5 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

+ Bà NLQ4 (NLQ4) phải nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp (do ông NLQ3 nộp thay) theo Biên lai thu số 0044104 ngày 02/4/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; bà NLQ4 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 20 tháng 12 năm 2018./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- Cục THADS TP HCM;
- Các đương sự;
- Lưu(3)..

Đỗ Đình Thanh